

Số: 10/2025/QĐST-VHNGĐ

Tiên Du, ngày 24 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
“Về việc Hủy kết hôn trái pháp luật”
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU, TỈNH BẮC NINH

Thành phần giải quyết Việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Cường Dũng.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 202/2025/TLST-VHNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2025 về việc “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp số: 202/2025/QĐ-VHNGĐ ngày 11/6/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Anh Nguyễn Doãn T, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn ẤP, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn ẤP, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt);

2. Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Địa chỉ: xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Hân, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P (Xin vắng mặt);

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo lời trình bày của anh Nguyễn Doãn T có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày tại phiên họp:

Vào ngày 16/01/2002, anh có đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị P tại UBND xã P trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống tại thôn ẤP, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh từ đó cho đến nay. Trong thời gian chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng vẫn hòa thuận, hạnh phúc.

Vợ chồng anh sinh được 03 con chung là cháu Nguyễn Doãn Q, sinh năm 2002; cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2004 và cháu Nguyễn Doãn T, sinh ngày 20/9/2009. Hiện nay các cháu Q, cháu Ngọc A đã lớn, trưởng thành tự lập được cuộc sống còn cháu T vẫn đang sống cùng với vợ chồng anh nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại thời điểm đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị P, do không am hiểu pháp luật nên khi đó anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng vẫn đi đăng ký. Trong giấy chứng nhận kết hôn có ghi Nguyễn Doãn T, sinh ngày 14/01/1982 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/01/1983 tuy nhiên theo căn cước công dân và giấy khai sinh thì anh sinh ngày 14/01/1983 và chị Nguyễn Thị P sinh ngày 05/12/1983. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đều sơ xuất, không kiểm tra lại giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng anh.

Hiện tại, vợ chồng anh chung sống vẫn hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Nay do anh gặp vướng mắc về thủ tục hành chính và anh đã thỏa thuận với chị P trước khi làm đơn chị P cũng nhất trí với ý kiến của anh. Do vậy, anh làm đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị Nguyễn Thị P do anh chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn tại thời điểm kết hôn 16/01/2002.

Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị P có trong hồ sơ vụ việc và lời trình bày tại phiên họp:

Chị đã nhận được Thông báo về việc thụ lý việc Hôn nhân và gia đình và các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Chị đã được nghe biên bản ghi lời khai và lời trình bày của anh Nguyễn Doãn T, chị thừa nhận lời trình bày của anh T là đúng và nhất trí với ý kiến của anh T về việc đề nghị Tòa án huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh Nguyễn Doãn T.

Theo biên bản làm việc với đại diện Ủy ban nhân dân xã P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ việc:

Về trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Doãn T và chị Nguyễn Thị P: Qua rà soát tài liệu, sổ sách hiện lưu trữ tại UBND xã P từ ngày 01/01/1999 đến ngày 18/12/2002 thì trong Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã P, quyển số 01- TP/HT - 1999B mở ngày 01/01/1999, khoá ngày 18/12/2002 không có thông tin thể hiện ngày 16/01/2002 anh T và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nhưng trong Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc có chữ ký và con dấu của UBND xã P thể hiện: Họ và tên chồng Nguyễn Doãn T, sinh ngày 14/01/1982; Nơi thường trú: ẤP, P, Tiên Du, Bắc Ninh. Họ và tên vợ: Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/01/1983. Nơi thường trú: ẤP, P,

Tiên Du, Bắc Ninh. Cấp tại UBND xã P ngày 16/01/2002. Như vậy, căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 có quy định: “Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên; Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở; Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn quy định tại Điều 10 của Luật này”.

Theo anh Nguyễn Doãn T cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện anh Tuyên thực tế sinh ngày 14/01/1983 không phải sinh ngày 14/01/1982 như trong Giấy chứng nhận kết hôn. Căn cứ vào ngày tháng năm sinh thực tế của anh Tuyên theo Giấy khai sinh và căn cước công dân đều sinh ngày 14/01/1983. Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/01/2002, anh Tuyên mới được 19 tuổi 02 ngày, tuy nhiên anh Tuyên và chị Phúc đều kết hôn tự nguyện, không bên nào ép buộc bên nào. Việc đăng ký kết hôn được tiến hành tại UBND xã P. Vì vậy, việc kết hôn giữa anh Nguyễn Doãn T và chị Nguyễn Thị P chưa bảo đảm các quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000. Nay anh Tuyên có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật, phía UBND xã P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do công việc bận nên phía UBND xã P xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, Thư ký tại phiên họp đã tuân theo đúng các quy định của Chương XXIII Bộ luật Tố tụng dân sự về thủ tục giải quyết việc dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 68, 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về phần nội dung: Căn cứ Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, Điều 8, Điều 11; Điều 12 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016; Điều 29, 35, 39, 149, 362, 365, 366 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án tuyên: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Doãn T và chị Nguyễn Thị P. Về lệ phí: Anh Nguyễn Doãn T phải chịu lệ phí theo quy định pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát

nhân dân huyện Tiên Du tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Doãn T có đơn yêu cầu đề nghị Tòa án “Huỷ kết hôn trái pháp luật”; cả anh Tuyên và chị Phúc đều có nơi cư trú: Thôn ẤP, xã P, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; anh Tuyên xuất trình giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tiên Du do đó căn cứ vào khoản 1, Điều 29; điểm b, khoản 2, Điều 35 và điểm g, khoản 2, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du thụ lý giải quyết vụ việc là đúng thẩm quyền.

Về thủ tục mở phiên họp vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để các đương sự tham gia phiên họp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã P, huyện Tiên Du đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ việc: Anh Nguyễn Doãn T và chị Nguyễn Thị P trình bày và xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2002, đăng ký tại UBND xã P, huyện Tiên Du. Trong Giấy chứng nhận kết hôn có ghi Họ và tên chồng Nguyễn Doãn T, sinh ngày 14/01/1982; Nơi thường trú: ẤP, xã P, Tiên Du, Bắc Ninh. Họ và tên vợ: Nguyễn Thị P, sinh ngày 05/01/1983. Nơi thường trú: Ân Phú, xã P, Tiên Du, Bắc Ninh. Cấp tại UBND xã P ngày 16/01/2002. Mặc dù qua rà soát tài liệu, sổ sách hiện lưu trữ tại UBND xã P từ ngày 01/01/1999 đến ngày 18/12/2002 thì trong Sổ đăng ký kết hôn của UBND xã P, quyển số 01- TP/HT - 1999B mở ngày 01/01/1999, khoá ngày 18/12/2002 không có thông tin thể hiện ngày 16/01/2002 anh T và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nhưng các đương sự cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn bản gốc có chữ ký và con dấu của UBND xã P thể hiện việc anh Tuyên, chị Phúc có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.

Theo Căn cước công dân, giấy khai sinh của anh Nguyễn Doãn T đều thể hiện anh Nguyễn Doãn T, sinh ngày 14/01/1983. Trong lời trình bày của anh T, chị P thể hiện tại thời điểm đăng ký kết hôn, anh T chưa đủ tuổi. Anh T và chị P do không am hiểu pháp luật nên khi đó anh Tuyên chưa đủ tuổi nhưng đã kết hôn và đi đăng ký kết hôn. Như vậy, khi đăng ký kết hôn tại UBND xã P thì anh Tuyên mới được 19 tuổi 02 ngày. Việc anh T, chị P đăng ký kết hôn đã vi phạm quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: **“Nam từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên”**. Như vậy, có đủ căn cứ xác định tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 16/01/2002 thì anh Tuyên chưa đủ tuổi kết hôn, việc anh chị đăng ký kết hôn đã

vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại thời điểm yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh T, chị P đã có đủ điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau 03 con chung, tài sản chung nhưng vì ngày tháng năm sinh của anh Tuyên không trùng khớp nhau đã ảnh hưởng đến cuộc sống của anh T, chị P và các con. Nay anh Nguyễn Doãn T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tiên Du hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ nên được chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về con chung và tài sản chung: Anh Tuyên, chị Phúc không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Doãn T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 29; điểm b, khoản 2, Điều 35; điểm g, khoản 2, Điều 39; Điều 149; Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 371; Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 6, Điều 3; Điều 8; Khoản 2, Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016; UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu “Hủy kết hôn trái pháp luật” của anh Nguyễn Doãn T.

Tuyên bố: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Nguyễn Doãn T và chị Nguyễn Thị P theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2002. Anh Nguyễn Doãn T và chị Nguyễn Thị P có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký kết hôn lại theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Dân sự:** Anh Nguyễn Doãn T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình. Xác nhận anh Nguyễn Doãn T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng lệ phí tại biên lai ký hiệu: BLTU/24; số 0002861 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- **Về quyền kháng cáo, kháng nghị:** Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND/VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND/ Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- UBND xã L, huyện Tiên Du;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(đã ký)

Đỗ Cường Dũng